

## BIỂU PHÍ DỊCH VỤ BẢO LÃNH

*Cập nhật theo Quyết định số: 225/QĐ-NHNo-TCKT ngày 06/2/2020  
của Tổng Giám đốc Agribank.*

<b>II. DỊCH VỤ BẢO LÃNH</b>			
<b>1. Bảo lãnh trong nước</b>			
<b>1.1. Phát hành bảo lãnh (Thu phí trên giá trị cam kết bảo lãnh)</b>			
Bảo lãnh, sửa đổi bảo lãnh đảm bảo 100% bằng TKTG, tài khoản ký quỹ tại Agribank; sổ tiết kiệm, kỳ phiếu hoặc giấy tờ có giá do Agribank phát hành.	1%/năm	300.000đ/lần	
Bảo lãnh, sửa đổi bảo lãnh ký quỹ dưới 100%; Bảo lãnh đảm bảo bằng hình thức khác (có TSDB 100%).	1,5%/năm	500.000đ/lần	
Bảo lãnh, sửa đổi bảo lãnh bằng hình thức khác (Đối với trường hợp không có tài sản đảm bảo hoặc không đủ tài sản đảm bảo).	2% - 3%/năm	1.000.000 đ/lần	
<b>1.2. Sửa đổi bảo lãnh</b>			
<b>1.2.1. Sửa đổi tăng số tiền (Tính phí trên số tiền tăng thêm kể từ ngày phát hành sửa đổi đến ngày hết hạn); Sửa đổi gia hạn ngày hiệu lực (Tính phí trên giá trị bảo lãnh kể từ ngày hết hạn hiệu lực cũ đến ngày hiệu lực mới): Mức phí thu như phí phát hành bảo lãnh tại Mục 1.1</b>			
<b>1.2.2. Sửa đổi khác</b>			
Sửa đổi khác		200.000 đ/lần	
<b>1.3. Hủy thư bảo lãnh</b>			
Hủy thư bảo lãnh		200.000 đ/lần	
<b>1.4. Dịch vụ khác liên quan (Tính phí trên giá trị cam kết bảo lãnh)</b>			
Phí dịch thuật, kiểm soát phát hành thư bảo lãnh bằng tiếng Anh	Thu theo phát sinh thực tế	100.000 đ/bản	
Phí thẩm định hồ sơ bảo lãnh (Nếu được phép của NHNN)	0,1%-0,2%/Số tiền khách hàng đề nghị cấp bảo lãnh		

<b>2. Bảo lãnh nước ngoài</b>			
<b>2.1. Phát hành bảo lãnh (Tính phí trên giá trị cam kết bảo lãnh)</b>			
Bảo lãnh, sửa đổi bảo lãnh đảm bảo 100% bằng TKTG, tài khoản ký quỹ tại Agribank; sổ tiết kiệm, kỳ phiếu hoặc giấy tờ có giá do Agribank phát hành.	1%/năm	20 USD/lần	
Bảo lãnh, sửa đổi bảo lãnh ký quỹ dưới 100%	1.5% - 2.5%/năm	50 USD/lần	
Bảo lãnh, sửa đổi bảo lãnh đảm bảo bằng hình thức khác	2% - 3%/năm	50 USD/lần	
<b>2.2. Sửa đổi bảo lãnh</b>			
<b>2.2.1. Sửa đổi tăng số tiền (tính phí trên số tiền tăng thêm kể từ ngày phát hành sửa đổi đến ngày hết hạn); Sửa đổi gia hạn ngày hiệu lực (tính phí trên giá trị bảo lãnh kể từ ngày hết hạn hiệu lực cũ đến ngày hiệu lực mới): mức phí thu như phí phát hành bảo lãnh tại mục 2.1</b>			
<b>2.2.3. Sửa đổi khác</b>			
Sửa đổi khác		20 USD/lần	
<b>2.3. Hủy thư bảo lãnh</b>			
Hủy thư bảo lãnh do hết hạn hiệu lực	Miễn phí		
Hủy thư bảo lãnh trong thời hạn hiệu lực		25 USD/lần	
<b>2.4. Phát hành, sửa đổi, xác nhận Thư bảo lãnh trên cơ sở bảo lãnh đối ứng của Ngân hàng nước ngoài</b>			
Phát hành Thư bảo lãnh; Xác nhận Thư bảo lãnh.	1% - 1.5%/năm	50 USD/lần	
Sửa đổi tăng số tiền, Xác nhận sửa đổi tăng tiền của Thư bảo lãnh (Thu bổ sung trên số tiền tăng thêm từ ngày sửa đổi hoặc xác nhận sửa đổi)	1% - 1.5%/năm	30 USD/lần	
Sửa đổi kéo dài thời hạn bảo lãnh, Xác nhận sửa đổi kéo dài thời hạn Thư bảo lãnh (Thu thêm đối với thời hạn kéo dài).	1% - 1.5%/năm	30 USD/lần	
Sửa đổi, xác nhận sửa đổi khác		30 USD/lần	
<b>2.5. Dịch vụ khác liên quan</b>			
Phát hành Thư cam kết sẽ phát hành Thư bảo lãnh		30 USD/lần	

Thông báo thư bảo lãnh của NH nước ngoài		25 USD/lần	
Thông báo sửa đổi thư bảo lãnh của NH nước ngoài		25 USD/lần	
Thông báo hủy bảo lãnh của NH khác		25 USD/lần	
Thanh toán bảo lãnh do Agribank phát hành	0.2%	25 USD	250 USD
Kiểm tra xác nhận chữ ký thư bảo lãnh của NH nước ngoài theo yêu cầu của khách hàng trong nước		25 USD/bộ chứng từ	
Kiểm tra xác nhận chữ ký sửa đổi thư bảo lãnh của ngân hàng nước ngoài theo yêu cầu của khách hàng trong nước		25 USD/bộ chứng từ	
Đòi hộ tiền bảo lãnh của khách hàng trong nước theo thư bảo lãnh trực tiếp của ngân hàng nước ngoài	0.2% giá trị số tiền đòi hộ	25 USD	250 USD
Tra soát	20USD/lần		
Phí thẩm định hồ sơ bảo lãnh ( <b>Nếu được phép của NHNN</b> )	0,1%-0,2%/Số tiền khách hàng đề nghị cấp bảo lãnh		
Thanh toán thư bảo lãnh đến	0,1%/giá trị báo có		
Thanh toán bảo lãnh do Agribank phát hành trên cơ sở bảo lãnh đối ứng của NH nước ngoài	0,2%/ giá trị bảo lãnh		
<b>2.7. Điện phí</b>			
Điện SWIFT phát hành Thư bảo lãnh	20-50USD		
Điện SWIFT khác	10 USD		